TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2021/DS-ST
Ngày 14/01/2021
V/v " Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh T
2. Ông Trần Văn Hổ
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thi.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐST – DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 458/102, đường 3/2, phường 12, quận 10, Tp. H

2.Bị đơn: Bà Hà Thị L2, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 462B, ấp Phú H1, xã Phú H2, thành phố B, B

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1969 (chồng bà L2, vắng mặt)

Địa chỉ: 153, ấp Phú C , xã Phú H2, thành phố B, tỉnh B

- Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: 458/102, đường 3/2, phường 12, quận 10, Tp. H.

- Ông Nguyễn Trần Gia B, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: 216/3, Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/10/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Vào ngày 12/4/2020 bà có cho bà Hà Thị L2 vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay đến ngày 12/7/2020, khi vay bà L2 có viết giấy tay, bà L2 là người trực tiếp nhận tiền.

-Ngày 30/5/2020 bà L2 vay của bà số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để kinh doanh hàng may mặc, khi vay bà L2 có viết giấy tay, bà L2 là người trực tiếp nhận tiền.

- Ngày 27/6/2020 bà L2 tiếp tục hỏi bà vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng bà không có đủ tiền nên bà chỉ cho bà vay số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất vay là 1,6%/tháng, số tiền này bà chuyển khoản vào số tài khoản 0241004071815 của bà L2.

- Ngày 07/7/2020 bà L2 tiếp tục hỏi bà vay số tiền để trả lương công nhân nhưng bà không có đủ tiền nên bà chỉ cho vay số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất vay là 1,6%/tháng, số tiền này bà chuyển khoản vào số tài khoản 0241004071815 của bà L2, bà L2 hứa vài ngày bà giải ngân ở ngân hàng sẽ trả hết số tiền đã vay của bà.

Quá trình thực hiện hợp đồng các số tiền trên bà L2 đã không thực hiện đúng như thỏa thuận với bà, tổng số tiền bà L2 vay và còn nợ bà là 740.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà L2 cùng chồng là ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vốn là 740.000.000 đồng và lãi 1,6% từ ngày vay đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị L2 không đến Tòa án, đồng thời không có gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai.

Theo biên bản lấy lời khai đề ngày 16/11/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông là chồng của bà Hà Thị L2, hiện tại ông làm tài xế xe ben chở thuê, bà L2 làm cơ sở may tên Phương Kim ở ấp Phú Hữu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, mở cơ sở khoảng năm 2016, cơ sở may do vợ chồng ông lập nhưng người đứng tên là bà L2, cơ sở lúc đầu chuyên may gia công, sau đó tự mua vải về may và bán cho các tiệm bán quần áo. Quá trình làm ăn của bà L2, ông phụ giao hàng, vốn làm ăn lúc đầu là của vợ chồng, sau đó đi vay của nhà nước để mở rộng cơ sở. Mục đích mở cơ sở may để nhằm phát triển kinh tế gia đình chung, lo cho con cái. Việc làm ăn chính là do vợ ông làm, ông chủ yếu chạy vòng ngoài. Cách nay khoảng mấy tháng, vợ ông gặp nói bể nợ và bỏ đi tới nay luôn, lâu lâu vợ ông có liên lạc với ông. Ông có nghe vợ ông nói mắc nợ nhưng không biết mắc nợ ai. Tuy là nợ của bà L2 nhưng ông đồng ý cùng bà L2 trả nợ cho bà Ngô Thị L1 trong phạm vi tài sản chung của vợ chồng ông. Do phải lo làm kiếm tiền nuôi con

không đến Tòa án được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông cam kết sẽ không khiếu nại về sau.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quaun ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Vào ngày 07/7/2020 ông có đến Ngân hàng Vietcombank để chuyển cho bà Hà Thị L2 số tiền 45.000.000 đồng qua số tài khoản của bà L2, số tiền này là do vợ Ngô Thị L1 nhờ ông chuyển dùm. Do bận công việc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trần Gia B trình bày:

Ngày 12/4/2020 bà Hà Thị L2 có vay của tôi số tiền 100.000.000 đồng, vay của bà Ngô Thị L1 số tiền 300.000.000 đồng. Do ông và bà L1 có quan hệ cô cháu và cho vay cùng thời điểm nên bà L2 làm chung giấy biên nhận mượn tiền. Bà L2 trực tiếp nhận của ông số tiền 100.000.000 đồng và của bà L2 300.000.000 đồng. Ông đã khởi kiện bà L2 bằng một vụ kiện khác, đối với vụ việc bà L1 kiện bà L2 những gì ông biết ông đã trình bày. Do bận công việc không thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc giữa bà L1 với bà L2 nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Bà L2, ông T, ông H, ông B đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà L2 không đến giải quyết vụ án là không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L1. Buộc bà Hà Thị L2 ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị L1 số tiền vốn vay là 740.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị L2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo các hợp đồng vay tiền bà Hà Thị L2 đều ghi địa chỉ là 462B ấp Phú Hữu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nhưng nay bà L2 đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho Ngô Thị L1 là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Thanh T, ông Nguyễn Trần Gia B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có

đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các ông theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị L1 khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị L2 trả số tiền đã vay của bà là 740.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 12/4/2020 bà Hà Thị L2 có vay của bà Ngô Thị L1 số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, khi vay bà L2 có viết giấy tay, bà L2 là người trực tiếp nhận tiền.

-Ngày 30/5/2020 bà L2 vay của bà L1 số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để kinh doanh hàng may mặc, khi vay bà L2 có viết giấy tay, bà L2 là người trực tiếp nhận tiền.

- Ngày 27/6/2020 bà L2 tiếp tục vay của bà L1 số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất vay là 1,6%/tháng, số tiền này bà chuyển khoản vào số tài khoản 0241004071815 của bà L2.

- Ngày 07/7/2020 bà L2 tiếp tục vay của bà L1 số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất vay là 1,6%/tháng, số tiền này bà chuyển khoản vào số tài khoản 0241004071815 của bà L2, bà L2 hứa vài ngày bà giải ngân ở ngân hàng sẽ trả hết số tiền đã vay của bà.

Quá trình thực hiện hợp đồng các số tiền trên bà L2 đã không thực hiện đúng như thỏa thuận với bà L1, cụ thể là không trả lãi và vốn cho bà L1 khi đến hạn. Bà L1 đã nhiều lần yêu cầu bà L2 trả nợ nhưng bà chỉ hứa, sau đó trốn tránh không trả số tiền đã vay của bà L1. Việc bà Ngô Thị L1 và bà Hà Thị L2 có giao kết hợp đồng vay tài sản, theo đó bà L1 đã giao đủ tiền cho bà L2 nhưng bà L2 không trả đủ tiền lãi và vốn vay cho bà L1 khi đến hạn là vi phạm hợp đồng. Do đó, bà L1 khởi kiện bà L2 là đúng theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ bà L1 sử dụng để khởi kiện bà L2 gồm: Giấy tay các ngày 12/4/2020 và 30/5/2020 ghi người nhận là Hà Thị L2; chứng từ giao dịch ngày 27/6/2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Điện Biên Phủ ghi người nộp tiền là Ngô Thị L1, người thụ hưởng Hà Thị L2 (tài khoản số 0241004071815); chứng từ giao dịch ngày 07/7/2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh H Vương ghi người nộp tiền là Huỳnh Thanh T (chồng bà L1), phần đề nghị ghi có số tài khoản số 0241004071815, tên tài khoản Hà Thị L2.

Đối với biên nhận ngày 12/4/2020 do bà L2 viết nhưng bản chất của sự việc là bà L1 có cho bà L2 vay số tiền 300.000.000 đồng, ông Nguyễn Trần Gia B cho bà L2 vay 100.000.000 đồng. Do bà L1 và ông B là cô cháu với nhau, cùng cho bà L2 vay tiền cùng thời điểm nên bà L2 viết giấy nợ chung, bà L2 tự viết giấy nói đặt cọc đất cho bà L1 và ông B nhưng thực tế không có việc đặt cọc chuyển nhượng đất. Bà L1 xác định bà khởi kiện yêu cầu bà L2 cùng chồng bà L2 trả số tiền đã vay, trong đó có 300.000.000 đồng trong giấy tay bà L2 ghi ngày 12/4/2020 nên xác định biên nhận này là hợp đồng vay tiền. Đồng thời ông B cũng đã khởi kiện bà L2 bằng một vụ kiện khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như các tài liệu chứng cứ trên cho bà Hà Thị L2 nhưng bà không có ý kiến

gì đối với các chứng cứ mà bà L1 cung cấp cho Tòa án, điều đó chứng tỏ bà L2 đã mặc nhiên thừa nhận các chứng cứ đó. Đồng thời ông Huỳnh Văn H là chồng của bà Hà Thị L2 đều thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các chứng cứ trên là của bà L2. Tại văn bản số 14/VCB.BTR.KT.m ngày 18/11/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Bến Tre đã xác định số tài khoản 0241004071815 là của bà Hà Thị L2, sinh năm 1976, địa chỉ 462B, ấp Phú Hữu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre. Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L1, buộc bà Hà Thị L2 trả cho bà L1 số tiền vốn là 740.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Theo lời trình bày của bà L1 thì giữa bà và bà L2 thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng, tuy nhiên từ ngày vay đến nay bà L2 chưa thanh toán lãi cho bà, do đó bà yêu cầu bà L2 trả lãi cho bà tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhận thấy, tại các biên nhận nhận tiền, giấy chuyển tiền đều không có ghi lãi suất vay nhưng bà L1 cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 1,6%/tháng, bà L2 không có ý kiến phản bác đối với ý kiến của bà L1, đồng thời lãi suất bà L1 yêu cầu không vượt quá mức pháp luật quy định là 20% /năm nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L1, cụ thể tính từ ngày vay đến ngày xét xử (14/01/2021) như sau:

- Số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 12/4/2020: 300.000.000 đồng x 1,6% x 08 tháng 28 ngày = 42.800.000 đồng.

- Số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 30/5/2020: 300.000.000 đồng x 1,6% x 07 tháng 14 ngày = 35.840.000 đồng.

- Số tiền 95.000.000 đồng vay ngày 27/6/2020: 95.000.000 đồng x 1,6% x 06 tháng 17 ngày = 9.981.000 đồng.

- Số tiền 45.000.000 đồng vay ngày 07/7/2020: 45.000.000 đồng x 1,6% x 06 tháng 07 ngày = 4.488.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của các khoản tiền trên là: 42.800.000 đồng + 35.840.000 đồng + 9.981.000 đồng + 4.488.000 đồng = 93.109.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi buộc bà L2 trả bà bà L1 là: 740.000.000 đồng + 93.109.000 đồng = 833.109.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm liên đới của ông Huỳnh Văn H: Bà L1 yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền bà L2 đã vay. Căn cứ bà yêu cầu là do ông H là chồng của bà L2, hôn nhân của ông H bà L2 vẫn còn tồn tại, bà L2 vay tiền nhằm mục đích phục vụ kinh tế gia đình chung với ông H. Nhận thấy theo lời trình bày của ông H thì ông không trực tiếp cùng bà L2 vay tiền của bà L1 nhưng ông có nghe bà L2 nói lại chuyện vay nợ, ông đồng ý cùng với bà L2 trả nợ cho bà L1. Mặc khác, ông H cũng thừa nhận việc đầu tư kinh doanh là do ông và bà L2 cùng làm để nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, nuôi con cái, việc kinh doanh chủ yếu do bà L2 đứng ra đại diện. Như vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L1 về việc yêu cầu ông H cùng với bà L2 trả nợ cho bà.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu của bà L1 được chấp nhận toàn nên bà Hà Thị L2 ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 833.109.000 đồng phải trả cho bà L1, cụ thể số tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (33.109.000 đồng x 3%) = 36.993.270 đồng.

-Hoàn trả cho bà Ngô Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L1.

Buộc bà Hà Thị L2 ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị L1 số tiền là: 833.109.000 đồng (Tám trăm ba mươi ba triệu một trăm lẽ chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí :

-Buộc bà Hà Thị L2 ông Huỳnh Văn H liên đới nộp 36.993.270 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm chín ba nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

-Hoàn trả cho bà Ngô Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.797.500 đồng (Mười một triệu bảy trăm chín bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003400 ngày 29/9/2020 và số tiền 5.532.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003550 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre
-VKSND Tp. Bến Tre;
-Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở